

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẤT ĐỎ
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 11/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 31-3-2022

V/v: Yêu cầu ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẤT ĐỎ
TỈNH BÀ RỊA –VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quý Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Kim Thủy.

2. Bà Dương Thị Được.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mai – Thư ký TAND huyện Đất Đỏ.

- Đại diện VKSND huyện Đất Đỏ tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Minh Khuê – kiểm sát viên.

Ngày 31-3-2022, tại trụ sở TAND huyện Đất Đỏ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 130/2021/TLST-HNGĐ ngày 19-5-2021 về tranh chấp “yêu cầu ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2022/QĐXX-ST ngày 18-3-2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* bà Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm: 1987.

Địa chỉ: 17Ô2/7 khu phố T, thị trấn H, huyện Đất Đỏ.

Chỗ ở hiện nay: số 856 B, phường A, quận 8, TP HCM.

2. *Bị đơn:* ông Trần Nguyễn Hữu K, sinh năm: 1987.

Địa chỉ: 17Ô2/7 khu phố T, thị trấn H, huyện Đất Đỏ.

(Bà N và ông K đều có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng N trình bày: Bà N và ông Trần Nguyễn Hữu K chung sống vợ chồng với nhau vào năm 2019, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Phước Hải. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại 17Ô2/7 khu phố T, thị trấn H, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không tôn trọng lẫn nhau thường xuyên cãi vã. Vì không thể sống chung nên vợ chồng ly thân từ tháng 01 năm 2020 đến nay. Trong thời gian ly thân vợ chồng có nói chuyện để hàn gắn nhưng không thành. Nay vì tình cảm không còn nên bà N yêu cầu được ly hôn với ông K.

Về con chung: không có.

Về tài sản chung: Vợ chồng có 01 căn nhà cấp 4 tạo lạc trên diện tích đất khoảng 150 m² thuộc thửa 152 tờ bản đồ 38 thị trấn Phước Hải đã được cấp giấy do hai vợ chồng đứng tên. Tài sản này bà N đồng ý giao cho ông K được quyền sở hữu, sử dụng với điều kiện ông K có trách nhiệm trả khoản nợ mà vợ chồng vay của Ngân hàng cổ phần Liên Việt chi nhánh Vũng Tàu.

Về nợ chung: Vợ chồng có nợ Ngân hàng cổ phần Liên Việt chi nhánh Vũng Tàu số tiền gốc 2.490.000.000đ và tài sản thế chấp là nhà đất nêu trên. Số nợ này ông K có trách nhiệm tự mình trả cho Ngân hàng và bà N yêu cầu đưa Ngân hàng cổ phần Liên Việt chi nhánh Vũng Tàu vào tham gia tố tụng để giải quyết vấn đề nợ chung.

* Trong quá trình tố tụng tại Tòa án bị đơn ông Trần Nguyễn Hữu K trình bày:

Ông K thống nhất như lời trình bày của bà N về thời gian và điều kiện kết hôn. Trong thời gian chung sống vợ chồng hạnh phúc đến tháng 01 năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không tôn trọng lẫn nhau dẫn đến thường xuyên cãi vã. Vì không thể sống chung nên vợ chồng ly thân từ đầu năm 2020 đến nay. Trong quá trình ly thân vợ chồng có nói chuyện để hàn gắn nhưng không thành. Nay vì tình cảm không còn và bà N có yêu cầu ly hôn nên ông K cũng đồng ý.

Về con chung: không có.

Về tài sản chung: Vợ chồng có 01 căn nhà cấp 4 tạo lạc trên diện tích đất khoảng 150m² thuộc thửa 152 tờ bản đồ 38 thị trấn Phước Hải đã được cấp giấy CN QSD đất do hai vợ chồng đứng tên.

Về nợ chung: Vợ chồng có nợ Ngân hàng cổ phần Liên Việt chi nhánh Vũng Tàu số tiền gốc 2.490.000.000đ và tài sản thế chấp là nhà đất nêu trên. Số nợ này ông K đồng ý có trách nhiệm tự mình trả cho Ngân hàng nhưng với điều kiện bà N phải giao cho ông K được quyền sở hữu sử dụng nhà đất nêu trên.

Ông K cũng yêu cầu đưa Ngân hàng cổ phần Liên Việt chi nhánh Vũng Tàu vào tham gia giải quyết vụ kiện này.

Sau khi xem xét lời trình bày của các đương sự, Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ đưa Ngân hàng Liên Việt chi nhánh Vũng Tàu vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và giải quyết vụ án theo quy định.

Ngày 04-3-2022 Tòa án có Thông báo mở phiên họp, hòa giải gởi cho các bên đương sự, ngày 07-3-2022 Ngân hàng Liên Việt chi nhánh Vũng Tàu có Công văn số 16/LPB.VT thể hiện bà N ông K đã thanh toán và tất toán toàn bộ khoản nợ vay và không còn nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết vụ kiện theo quy định pháp luật.

Ngày 12-3-2022 ông Trần Nguyễn Hữu K có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt.

Ngày 18-3-2022 Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ có Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/QĐXX, các ngày 19 và 23-3-2022 bà Nguyễn Thị Hồng N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Trên cơ sở đó ngày 31-3-2022 Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng:

+ Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự khi tiến hành các hoạt động tố tụng, xác định đúng thẩm quyền, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án và xác định đúng quan hệ tranh chấp của vụ án.

+ Nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Do vậy, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến trình bày của đương sự có trong hồ sơ và kết quả tranh luận tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Bà Nguyễn Thị Hồng N và ông Trần Nguyễn Hữu K chung sống có đăng ký kết hôn vào năm 2019 tại UBND thị trấn Phước Hải. Nay, bà N yêu cầu ly hôn với

ông K nên xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc “yêu cầu ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của ông K tại thị trấn Phước Hải, huyện Đất Đỏ nên Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

- Nguyên đơn và bị đơn đề nghị tòa án xét xử vắng mặt hợp lệ. Căn cứ khoản 1 Điều 228 BLTTDS xét xử vắng mặt nguyên và bị đơn.

[2] Về nội dung:

Bà Nguyễn Thị Hồng N và ông Trần Nguyễn Hữu K chung sống vợ chồng với nhau vào năm 2019 và có đăng ký kết hôn nên hôn nhân này hợp pháp. Trong quá trình chung sống, bà N nhận thấy mâu thuẫn gia đình đã thật sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn. Còn ông K cũng thừa nhận lời trình bày của bà N là đúng và đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà N. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N đối với ông K.

- Về con chung: bà N ông K không có con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: đã giải quyết xong nên không xét đến.

[3] Về án phí: bà N phải chịu án phí DSST; ông K không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 228; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Hồng N được ly hôn với ông Trần Nguyễn Hữu K.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Đã giải quyết xong nên không xét đến.

4. Về án phí:

+ Bà Nguyễn Thị Hồng N phải chịu 300.000đ án phí HNGĐ-ST. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số 04800 ngày 11-5-2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đất Đỏ. Bà N đã nộp đủ án phí.

+ Ông Trần Nguyễn Hữu K không phải chịu án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đối với đương sự vắng mặt thời hạn trên được tính từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh BRVT xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BRVT.
- VKSND h Đất Đỏ.
- THA h Đất Đỏ.
- UBND xã Long Mỹ.
- Đương sự.
- Lưu Vphòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ.

(Đã ký)

Lê Quý Cường